Nội dung này đưa vào mục hướng dẫn học bài ở bài trước

Tìm hiểu tri thức ngữ văn

HS hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ trước khi học

Nhiệm vụ 1. Đọc phần tri thức ngữ văn trang 72; 72. Trả lời các câu hỏi

Văn bản nghị luận	
Văn bản nghị luận là gì? Văn bản nghị luận có mấy loại?	
Đề tài của văn bản nghị luận bao gồm những vấn đề cơ bản nào?	
Các yếu tố chính của văn bản nghị luận	
Luận đề là gì?	
Luận điểm là gì?	
Để luận điểm sáng tỏ và đứng vững cần có những yếu tố nào?	
Giữa luận đề và các yếu tố khác của văn bản nghị luận (luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) có mối quan hệ với nhau như thế nào?	
Bài nghị luận xã hội	
Khái niệm?	
Đề tài của bài văn nghị luận xã hội?	

Sự mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản	
Làm thế nào để có sự mạch lạc trong văn bản?	
Thế nào là lỗi liên kết?	

Nhiệm vụ 2. Đọc phần giới thiệu về tác giả Thân Nhân Trung và đoạn trích trang 75, tra cứu thêm thông tin, hoàn thành nội dung trong PHT.

Câu hỏi	Câu trả lời	Điều còn thắc mắc	Bổ sung
Em hiểu gì về thể loại văn bia?			
Giới thiệu về tác giả Thân Nhân Trung			
Tác phẩm Bài kí đề danh tiến sĩ			
Đoạn trích "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"			

BÀI 3

NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

(11 tiết)

(Đọc: 6 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2. Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.*

- HS biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

+ Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

+ Xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

- HS biết nhận ra và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

- HS viết được một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- HS biết thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.

2. Phẩm chất

- Yêu nước: yêu thiên nhiên, yêu di sản văn hóa văn học, yêu con người.

- Nhân ái: có thái độ quý trọng hiền tài, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn phong phú, có khả năng rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống, biết đồng cảm với người khác.

- Chăm chỉ: rèn luyện tinh thần hiếu học.

- Trách nhiệm: Tôn trọng và có ý thức tìm hiểu các nền văn học, văn hoá trên thế giới. Thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

A. ĐỌC

A.1. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

VĂN BẢN 1: HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA (THÂN NHÂN TRUNG)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ HS nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.

+ HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa, giá trị của văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật.

+ HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để viết được văn bản nghị luận

2. Về phẩm chất

- Yêu nước: trân trọng di sản văn hóa dân tộc.

- Nhân ái: có thái độ ứng xử đúng đắn với những bậc hiền tài.

- Chăm chỉ: rèn luyện tinh thần hiếu học, có khát vọng công danh noi gương các bậc hiền tài.

- Trách nhiệm: biết bày tỏ quan điểm riêng về các chính sách trọng dụng nhân tài mà mình được biết.

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Máy tính, tivi.

- Phiếu học tập, tranh, ảnh/video,…

III. Tiến trình dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học
- Học sinh được định hướng, huy động những kiến thức, tri thức đã có, khơi dậy sự tò mò với bài học.

b. Nội dung:

- Trình chiếu hình ảnh
- HS quan sát và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

+ Quan sát những hình ảnh sau và cho biết những hình ảnh đó gợi em nhớ đến di tích nào ở Hà Nội?

+ Em đã nghe câu "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" ở đâu, trong hoàn cảnh nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, tư duy nhanh, tự do phát biểu cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu

- Tóm tắt được những thông tin quan trọng nhất trong phần *Tri thức ngữ văn.*
- Học sinh nhận biết được bố cục của văn bản, các luận điểm chính.
- HS biết cách đọc văn bản nghị luận.
- HS nhận biết được đặc điểm và các yếu tố cấu tạo cơ bản của văn bản nghị luận thông qua một tác phẩm nghị luận điển hình thời trung đại Việt Nam.
- HS phân tích được mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, từ đó nhận ra và đánh giá được mục đích, quan điểm của tác giả, ý nghĩa giá trị của văn bản.

b. Nội dung

- HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.
- HS đọc VB, vận dụng "*Tri thức ngữ văn*", làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. Tri thức ngữ văn	

Hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Học sinh trình bày phiếu giao nhiệm vụ trước khi học

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm theo bàn, hoàn thành phiếu giao nhiệm vụ trước khi học

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

Nhiệm vụ 1. Đọc phần tri thức ngữ văn trang 72; 72. Trả lời các câu hỏi

Văn bản nghị luận	
Văn bản nghị luận là gì? Văn bản nghị luận có mấy loại?	- Văn bản nghị luận là loại văn bản là loại thực hiện chức năng thuyết phục thông qua một hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng được tổ chức chặt chẽ. - Phân loại: nghị luận chính trị – xã hội (chính luận), nghị luận văn học, nghị luận khoa học, nghị luận văn hoá, tư tưởng, đạo lí, kinh tế, pháp luật,…
Đề tài của văn bản nghị luận bao gồm những vấn đề cơ bản nào?	- Đề tài của văn bản nghị luận rất rộng bao gồm mọi vấn đề của đời sống như chính trị, đạo đức, xã hội…
Các yếu tố chính của văn bản nghị luận	
Luận đề là gì?	Luận đề được hiểu là vấn đề, tư tưởng, quan điểm, quan niệm,… được đưa ra để trình bày và thuyết phục. Theo đó, luận đề không thuần tuý là tình huống, sự kiện khách quan mà là tình huống, sự kiện khách quan đã được chủ thể nhận thức và đánh giá. Vì vậy, khi nói đến luận đề, tất yếu phải nói đến quan điểm của người viết nghị luận.
Luận điểm là gì?	Luận điểm là một ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm, quan niệm của tác giả. Nhờ hệ thống luận nội dung của luận đề được triển khai đầy đặn và sáng tỏ. Luận điểm là điều kiện tồn tại của luận đề. Luận điểm cũng cần được minh giải bằng một loạt lí lẽ và bằng chứng.
Giữa luận đề và các yếu tố khác của văn bản nghị luận (luận điểm, lí lẽ, bằng chứng) có mối quan hệ với nhau như thế nào?	Trong lí lẽ chứa đựng sự giải thích cho luận điểm, giúp luận điểm đứng vững. Còn bằng chứng là những căn cứ thực tiễn xác nhận tính đúng đắn, hợp lí của lí lẽ. Cả lí lẽ và bằng chứng có khi được gọi gộp trong thuật ngữ luận cứ, theo đó, lí lẽ chính là luận cứ lí lẽ, tồn tại song song với bằng chứng là luận cứ thực tiễn
Bài nghị luận xã hội	
Khái niệm?	Văn bản nghị luận có nội dung bàn về một vấn đề xã hội là loại văn bản phổ biến nhất của văn nghị luận. Hiện nay, người ta thường dùng thuật ngữ "nghị luận xã hội" để định danh loại văn bản này, đặt

	trong tương quan đối lập – so sánh với một loại văn bản khác được gọi là "nghị luận văn học"
Đề tài của bài văn nghị luận xã hội?	- Trong các văn bản "nghị luận xã hội", vấn đề xã hội được bàn vô cùng phong phú, từ những vấn đề trọng yếu của nhân loại, quốc gia, dân tộc đến những vấn đề của sinh hoạt đời thường. - Người ta thường chia "nghị luận xã hội" thành hai bộ phận: nghị luận (bàn về) một tư tưởng, đạo lí và nghị luận (bàn về) một hiện tượng xã hội.
Sự mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản	
Làm thế nào để có sự mạch lạc trong văn bản?	Nói đến mạch lạc là nói đến sự thống nhất ở bề sâu giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản (các câu xoay quanh tiểu chủ đề còn các đoạn thì cùng hướng tới chủ đề chung). Nói đến liên kết là nói đến sự thống nhất có thể nhận ra được trên bề mặt ngôn từ giữa các câu trong đoạn văn và giữa các đoạn văn trong văn bản nhờ sự hiện diện của những phương tiện, hình thức kết nối.
Thế nào là lỗi liên kết?	- Trong một đoạn văn, văn bản, mạch lạc luôn cần thiết nhưng liên kết có thể vắng mặt. Nếu mạch lạc và liên kết cùng tồn tại trong một đoạn văn, văn bản, thì khi đó, giữa chúng có mối quan hệ chi phối, ràng buộc lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau. Không gắn với mạch lạc, liên kết sẽ chỉ tồn tại như một hình thức vô nghĩa. Ngược lại, không có liên kết, mạch lạc khó được nhận biết một cách đầy đủ, khiến nội dung đoạn văn, văn bản có thể bị (hay được) giải thích một cách rất khác nhau, thậm chí ngược nhau.

Nhiệm vụ 2. Đọc phần giới thiệu về tác giả Thân Nhân Trung và đoạn trích trang 75, tra cứu thêm thông tin, hoàn thành nội dung trong PHT.

Câu hỏi	Câu trả lời	Điều còn thắc mắc	Bổ sung
Em hiểu gì về thể loại văn bia?	Là loại văn khắc trên bia đá nhằm ghi chép những sự việc trọng đại, hoặc những người có công đức lớn để lưu truyền cho đời sau.		
Giới thiệu về tác giả Thân Nhân Trung	- Thân Nhân Trung (1418 - 1499), người tỉnh Bắc Giang. - Ông đỗ Tiến sĩ năm 1469, là người nổi tiếng văn chương trong hội Tao đàn thời Hậu Lê, được Lê Thánh Tông tin dùng.		

Tác phẩm Bài kí đề danh tiến sĩ	Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông đã soạn *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu đại bảo thứ ba (Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí) để* khắc lên bia đặt trong văn Miếu, khởi đầu cho việc dựng bia ghi danh tiến sĩ sẽ thành truyền thống về sau.		
Đoạn trích "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"	*Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* là một đoạn trích trong bài văn bia nói trên. Trước đoạn này, tác giả nêu chủ trương bồi dượng, trọng dụng hiền tài của các triều vua Lê. Sau là danh sách 33 vị đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1442)		

GV: Từ thời nhà Lý, nhà nước phong kiến Việt Nam đã rất chú ý tổ chức định kì các khoa thi tuyển chọn nhân tài. Tuy nhiên, việc dựng bia lưu danh tên tuổi những người đỗ đạt cao nhất chỉ bắt đầu được thực hiện dưới triều vua Lê Thánh Tông. Năm Giáp Thìn 1484, bảy bia đề danh tiến sĩ đã được dựng lên ở Văn Miếu, ghi lại tên tuổi của những bậc đỗ đại khoa kể từ năm Nhâm Tuất 1442 cho đến thời điểm đó. Thân Nhân Trung là người đã "lĩnh thánh ý" soạn bài kí để khắc trên tấm bia đầu tiên. Do uy danh văn học và vị trí trong triều của tác giả cũng như do tính chất mở màn của công việc mà tác giả đảm trách, bài kí của Thân Nhân Trung thường dành được sự quan tâm lớn của các nhà nghiên cứu. Luận đề "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia" nêu trong bài kí này cũng xuất hiện ở một số văn bia khác do những bậc danh nho khác chấp bút và được khắc trên những tấm bia dựng cùng năm, tuy hình thức diễn đạt không trùng khít hoàn toàn. Điều đó cho phép một số nhà nghiên cứu đưa ra giả thuyết rằng chính vua Lê Thánh Tông mới là người đề xướng luận đề nói trên chứ không phải Thân Nhân Trung.

II. ĐỌC VĂN BẢN, TÌM HIỂU BỐ CỤC

Hướng dẫn HS đọc văn bản, tìm hiểu bố cục **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:**	**1. Đọc**

B1. Chuyển giao nhiệm vụ :

- GV yêu cầu HS đọc văn bản, lưu ý các thẻ hướng dẫn đọc và xem kĩ phần chú thích dưới mỗi trang văn bản.

- Thảo luận cặp đôi: thống nhất phiếu học tập số 1: Xác định luận đề, hệ thống luận điểm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

LUẬN ĐỀ:		
Luận điểm 1	Luận điểm 2	Luận điểm ….

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời PHT đã chuẩn bị

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

- Giọng điệu khoan thai trang trọng có thể nhấn giọng ở những câu hoặc cụm từ cuối mỗi đoạn vì ở đó, sắc thái biểu cảm của văn bản thường được bộc lộ rõ nét.

2. Bố cục

Luận đề: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia

- **Luận điểm 1:** Vai trò quan trọng của hiền tài đối với mỗi quốc gia (Từ đầu …*làm đến mức cao nhất*)

- **Luận điểm 2:** Ý nghĩa của việc dựng bia, khắc tên hiền tài (phần còn lại)

III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Nhóm 1, 2: Tác giả đã sử dụng các luận cứ nào để chứng minh vai trò quan trọng của hiền tài đối với mỗi quốc gia?Nhận xét về cách lập luận.

Nhóm 3, 4: Tác giả đã chỉ ra những việc làm, chính sách để khuyến khích người tài của các bậc minh vương như thế nào? Nhận xét về cách lập luận.

Nhóm 5, 6: Theo tác giả, tại sao việc khắc bia lịch sử lại có ý nghĩa quan trọng? Nhận xét về cách lập luận.

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ

B3. Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm cùng nội dung trao đổi bảng phụ, bổ sung, thống nhất

1. Quan niệm về hiền tài và vai trò quan trọng của hiền tài:

*** Quan niệm về hiền tài**

- *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia:*

+ *Hiền tài*: người có tài cao, học rộng và có đạo đức.

+ *Nguyên khí*: khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật.

→ Người tài cao, học rộng, có đức độ là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội.

*** Vai trò của hiền tài**

- Hiền tài có quan hệ lớn đến sự thịnh – suy của đất nước.

-> Đề cao, khẳng định vai trò của người có tài, đức. Họ chính là rường cột của nước nhà, có ảnh hưởng to lớn và quan hệ sâu sắc đến sự thịnh suy của đất nước.

2. Những việc làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương:

- HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức Hướng dẫn tìm hiểu nghệ thuật thuyết phục trong bài kí **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - *Xét về nội dung, đoạn 3 có mối quan hệ như thế nào với đoạn 2?* - *Bạn hãy khái quát về nội dung của đoạn 4 và cho biết đoạn này đảm nhận chức năng gì trong mạch lập luận.* - *Khi viết bài văn bia, tác giả đã thể hiện ít nhất hai tư cách: một là của người truyền đạt "thánh ý"; hai là của kẻ sĩ được trọng dụng, thường suy nghĩ về việc báo đáp. Việc thống nhất hai tư cách đó đã chi phối như thế nào đến cách triển khai luận điểm của tác giả?* **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện **B4. Kết luận, nhận định**	* Những việc đã làm thể hiện sự trân trọng kẻ sĩ: + Đề cao danh tiếng, xướng danh, ghi tên ở bảng vàng. + Ban chức tước. + Ban yến tiệc... -> Chưa đủ vì danh tiếng của hiền tài mới chỉ được vang danh ngắn ngủi, lẫy lừng một thời mà ko lưu truyền được lâu dài. - Việc sẽ làm: Khắc bia tiến sĩ. -> cách vinh danh cao nhất. **3. Ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ:** - Lưu danh muôn đời, khuyến khích hiền tài giúp kẻ sĩ phấn chấn, từ đó tận sức cống hiến - Việc khắc tên lên bia tiến sĩ sẽ tránh cho kẻ sĩ đi vào con đường gian ác (Ngăn ngừa điều ác, kẻ ác, ý xấu bị ngăn chặn, lòng thiện tràn đầy, kẻ ác lấy đó làm răn, người thiện xem đó mà cố gắng) - Dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối tương lai, góp phần rèn rũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa để củng cố mệnh mạch cho đất nước. **4. Nghệ thuật thuyết phục** Đoạn 2 có hai ý lớn và ý sẽ được triển khai thêm ở đoạn 3 nói về sự trọng đãi của triều đình đối với bậc hiền tài. Bằng chứng được nêu thêm: vua cho dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan. Trong văn bản, sự triển khai và bổ sung này rất cần thiết, vì nó chuyển mạch lập luận từ chỗ bàn về nguyên lí chung tới bàn về những chuyện cụ thể như chuyện dựng bia – sự việc trực tiếp dẫn tới sự ra đời của bài kí này. -> **liên kết** trong văn bản nghị luận – một vấn đề cốt tử đảm bảo cho văn bản nghị luận đạt tới sự hoàn chỉnh, chặt chẽ, có tính thuyết phục cao. - Đoạn 4 là lời tự vấn thể hiện thái độ tự trọng của kẻ sĩ trước sự tôn vinh, kì vọng của triều đình, rộng ra là của cả đất nước. Ở góc độ khác, nó cũng có thể được xem là lời "khích tướng", nhằm cổ vũ, động viên các bậc hiền tài. Chính đoạn 4 đã tạo **ra bước chuyển của mạch lập luận**, để đoạn tiếp theo đi thẳng vào nội dung khuyến cáo một cách tự nhiên

GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức	- Việc thống nhất hai tư cách của người viết trong bài văn (tư cách người truyền đạt "thánh ý" và tư cách người kẻ sĩ tự trọng) đã khiến cho **cách triển khai luận điểm** trong bài trở nên **uyển chuyển, linh hoạt**, vừa xác quyết rắn rỏi, dứt khoát, vừa thiết tha, giàu cảm xúc, hết sức thuyết phục. => kết cấu chặt chẽ, lập luận khúc triết giàu sức thuyết phục. => Luận điểm, luận cứ rõ ràng, lời lẽ sắc sảo, thấu tình đạt lí

Rubics đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (6 điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	- Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ - Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	- Các thành viên gắn kết tương đối chặt chẽ. - Vẫn còn 2 thành viên không tham gia hoạt động.	- Các thành viên gắn kết chặt chẽ. - Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động.	- Hoạt động gắn kết tốt. - Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo. - Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động.
Điểm				

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được tầm quan trọng của việc xác định mục đích viết
- Bày tỏ quan điểm của người viết trong văn bản.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

4. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Qua việc đọc văn bản ở trên, bạn hiểu gì về tầm quan trọng của việc xác định mục đích viết và bày tỏ quan điểm của người viết trong văn nghị luận?

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

- Đối với người viết:

+ Biết được nội dung cần viết, bày tỏ được những quan điểm, suy nghĩ của bản thân trong bài văn nghị luận.

+ Xác định được những luận điểm, luận cứ cần viết và những lí lẽ, bằng chứng cho các luận điểm cần được tìm và đưa vào bài viết.

- Đối với người đọc:

+ Nhận biết được luận đề, luận điểm và các lí lẽ bằng chứng mà người viết đưa ra

+ Hiểu được nội dung bài nghị luận, thấy được quan điểm mà người viết bày tỏ trong bài văn.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách.
- HS chọn được vấn đề bàn luận.
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.
- Vận dụng kiến thức, hiểu biết của mình trong thực tế

b. Nội dung:

- Trả lời câu hỏi

- Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

- Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện.

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ ở lớp: Trò chơi "Đi tìm người hiền tài". Thảo luận nhóm theo bàn, ghi vào giấy nhớ tên của những người có đóng góp lớn cho cộng đồng, tên những người thành công trong các lĩnh vực khác nhau.

- Nhiệm vụ ở nhà: Viết đoạn văn (khoảng 150-200 chữ) nêu suy nghĩ của bạn về trách nhiệm của người tài đối với cộng đồng.

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận nhóm theo bàn

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo, nhận xét, bổ sung, phản biện
- HS nộp bài trên padlet

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung cùng học sinh chuẩn hóa kiến thức

- Xác định yêu cầu của đề bài: nêu suy nghĩ của bản thân
- Dung lượng: 150 – 200 chữ.
- Phạm vi: trách nhiệm của người tài với cộng đồng
- Một số câu hỏi gợi ý làm bài:

+ Thế nào là một người có tài? Họ có tài ở lĩnh vực nào?

+ Người tài nên có thái độ như thế nào đối với cộng đồng?

+ Người tài có thể sử dụng tài năng của mình như thế nào để giúp ích cho cộng đồng?

+ Người tài cần tránh những suy nghĩ, hành động như thế nào? (để không đem lại ảnh hưởng tiêu cực cho cộng đồng?)

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

Stt	Tiêu chí	Chưa đạt	Đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 đến 200 chữ		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: trách nhiệm của người tài đối với cộng đồng.		
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (tiết *Yêu và đồng cảm* (Phong Từ Khải))

Dựa vào kiến thức trong SGK, sự hiểu biết, tìm hiểu của bản thân. Hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

(Có thể trình bày những điều em biết tìm hiểu, tra cứu bằng tranh, sơ đồ tư duy, video, ppt …

NHIỆM VỤ TRƯỚC KHI HỌC
Nhiệm vụ 1. Những thông tin về tác giả Phong Tử Khải mà em biết (con người, cuộc đời, phong cách, những đóng góp với nền nghệ thuật): …… ….

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về văn bản *Yêu và đồng cảm*

- Xuất xứ của văn bản: .....

- Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản

Phần	Nội dung trọng tâm
Phần 1	
Phần 2	
Phần 3	
Phần 4	
Phần 5	
Phần 6	

PHỤ LỤC BÀI *HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Xác định luận đề, hệ thống luận điểm của văn bản.

LUẬN ĐỀ:		
Luận điểm 1	**Luận điểm 2**	**Luận điểm ….**

Trả lời các câu hỏi:

- *Tác giả đã sử dụng các luận cứ nào để chứng minh vai trò quan trọng của hiền tài đối với mỗi quốc gia?Nhận xét về cách lập luận.*

- *Tác giả đã chỉ ra những việc làm, chính sách để khuyến khích người tài của các bậc minh vương như thế nào? Nhận xét về cách lập luận.*

- *Theo tác giả, tại sao việc khắc bia lịch sử lại có ý nghĩa quan trọng? Nhận xét về cách lập luận.*

A.2. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Ngày dạy A1:

A2. Văn bản 2: *YÊU VÀ ĐỒNG CẢM*

(Trích - Phong Tử Khải)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ HS hiểu được luận đề của văn bản nghị luận và cách tác giả xây dựng luận điểm, huy động lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận đề

+ HS cảm nhận được chiều sâu quan niệm của tác giả về một vấn đề đời sống và nghệ thuật, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng yếu tố tự sự trong văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật.

+ HS viết được một đoạn văn nghị luận bàn luận về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.

2. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết ý nghĩa của sự thấu hiểu, đồng cảm trong giao tiếp đời thường và giao tiếp nghệ thuật.

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Trách nhiệm: Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.

- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế cho HS trước khi nghiên cứu bài học

- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

HS trả lời câu hỏi /làm theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS xem video: https://www.youtube.com/watch?v=eMs36zN8OsI

Em hiểu như thế nào về sự đồng cảm trong cuộc sống? Khi bày tỏ sự đồng cảm với người khác hoặc khi nhận được sự đồng cảm của ai đó, bạn có tâm trạng như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, tư duy nhanh, tự do phát biểu cá nhân.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời câu hỏi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được một số thông tin về tác giả và những đóng góp của ông với nền nghệ thuật.
- Học sinh xác định được nội dung trọng tâm của từng phần.
- Học sinh tìm hiểu chi tiết văn bản thông qua phân tích cách triển khai các luận điểm của tác giả.
- HS phát hiện được các sự việc chính, các lập luận của tác giả.
- HS nhận xét, đánh giá được ý nghĩa của việc sử dụng yếu tố tự sự để tạo nên sự hấp dẫn, tính thuyết phục của văn bản qua cách sử dụng dẫn chứng, từ ngữ, giọng điệu, cảm xúc các biện pháp tu từ.

b. Nội dung: Khám phá văn bản *Yêu và đồng cảm*

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và văn bản **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV trình chiếu một số bức tranh của PTK - GV yêu cầu HS trình bày nhiệm vụ học tập số 1, số 2 **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời PHT đã chuẩn bị **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào PHT	**I. Tìm hiểu chung** ***1. Tác giả*** - Phong Tử Khải (1898-1975) là nhà tản văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc - Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học. - Tản văn và những bức "mạn họa" của ông được công chứng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây.

	- Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật **2. Tác phẩm** ***a. Xuất xứ*** - Văn bản *Yêu và đồng cảm* được trích trong tập *Sống vốn đơn thuần* của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là Sống mà học nghệ thuật. - *Sống vốn đơn thuần* là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả ***b. Bố cục*** Phần 1: Kể lại một số hành động của chú bé đã khiến tác giả "ngộ" ra ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm (CÂU CHUYỆN KHỞI ĐẦU VÀ DƯ ÂM ĐỂ LẠI) Phần 2. Nêu lên và giải thích cái nhìn riêng của người hoạ sĩ đối với mọi sự vật trong thế giới (dựa trên khả năng đồng cảm không giới hạn). CHIÊM NGHIỆM VỀ CÁCH NHÌN ĐỜI CỦA HOẠ SĨ. Phần 3: Khẳng định vai trò của sự đồng cảm (với con người) trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Phần 4: Mở rộng cách nhìn về lòng đồng cảm: đồng cảm là sự chia sẻ, tương thông, chan hoà không chỉ với con người mà còn với muôn vật khác trong vũ trụ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA SỰ ĐỒNG CẢM TRONG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT. Phần 5: Chỉ ra sự tương động giữa nghệ sĩ và trẻ em trong việc bảo toàn khả năng giao cảm tự nhiên vốn có của con người. Phần 6: Khẳng định sự cần thiết của việc học theo trẻ em để nuôi dưỡng bền lâu lòng đồng cảm, khiến cho cuộc sống trở nên đẹp đẽ và giàu ý nghĩa. BÀI HỌC SÁNG TÁC TỪ CÁCH NHÌN THẾ GIỚI CỦA TRẺ EM.
2. Hướng dẫn HS đọc văn bản **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1 Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đọc mẫu HS đọc văn bản	**II. Đọc văn bản** Chú ý - GV đọc mẫu phần 1 của văn bản và cho 2 – 3 HS đọc tiếp những phần còn lại.

B2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc cá nhân **B3. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, giải thích cho HS hiểu rõ nghĩa các từ ngữ có thể đọc sai.	- Lưu ý không bỏ qua những thẻ chỉ dẫn về cách đọc (mỗi khi gặp thẻ, nên đọc chậm lại để có thể nhìn lướt một lần những dòng vừa đọc qua). - Lưu ý về cách đọc: Cần thuận theo nội dung được triển khai mà điều chỉnh giọng điệu thích hợp (vui tươi ở phần đầu; rành rẽ, nghiêm nghị ở những đoạn đúc kết quan niệm; ấm áp, tình cảm ở những câu nói về trẻ em và tuổi thơ).
3. Hướng dẫn HS khám phá văn bản **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** GV chia nhóm ngẫu nhiên Các nhóm bốc thăm nội dung thảo luận tương ứng với phiếu học tập 1, 2, 3, 4 **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm lớn **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét - Các nhóm bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét cùng HS chuẩn xác kiến thức	**III. Khám phá văn bản** **1. Phân tích các luận điểm**

Luận điểm 1.

- **Mở đầu bằng một câu chuyện:** cậu bé lật chiếc đồng hồ quả quýt úp xuống bàn; chuyển chén trà đặt phía sau quai ấm trà lên trước vòi ấm; bắc ghế trèo lên giấu dây treo tranh trên tường buông thòng thò ra ngoài.

-> Hành động gây bất ngờ cho cả họa sĩ và người đọc .

- Tác giả phục chú bé không chỉ bởi sự chăm chỉ mà còn vì cảm phục tấm long đồng cảm của chú bé: chú hòa mình vào suy nghĩ , cảm xúc của đồ vật và xếp chúng về đúng vị trí của mình.
- Trẻ em đã dạy cho người nghệ sĩ, cho chúng ta cách nhìn đời, sụ tương thông giữa vạn vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư, trong suốt khi ứng xử với thế giới, với nghệ thuật.
→ Đây là cách thuyết phục giàu tính nghệ thuật, tác động vào cảm xúc và lí trí người đọc. Những hành động của chú bé đã khiến tác giả "ngộ ra" ý nghĩa lớn lao, đích thực của sự đồng cảm

-> Hình thức nghị luận xen vào bài bằng một yếu tố tự sự

- Ý nghĩa của câu chuyện: giúp văn bản hấp dẫn, thuyết phục hơn ở cách nói, cách trình bày. Đây là cách thuyết phục dùng chính trải nghiệm, tình huống của bản thân, tác động đến cảm xúc và lí trí của người đọc.

Luận điểm 2

- Câu chủ đề khái quát nội dung chính của luận điểm: *Mọi vật trên đời đều có nhiều mặt, mỗi người chúng ta chỉ thấy được một mặt mà thôi.*
- Lí lẽ đưa ra:

+ Góc nhìn riêng được thể hiện ở những người có nghề nghiệp khác nhau.

Dẫn chứng: Nhà khoa học, bác làm vườn, chú thợ mộc, anh họa sĩ khi nhìn nhận về cùng một gốc cây.

+ Phân biệt thế giới của Mĩ với Chân, Thiện: tiêu chuẩn trong giá trị của Mĩ khác hẳn trong thế giới Chân, Thiện, chúng ta chỉ thưởng thức dáng vẻ, màu sắc, hình dạng của sự vật, chứ không quan tâm tới giá trị hiện thực của nó.

- Biện pháp tu từ: Phép điệp ngữ : *Bởi vậy một gốc cây khô... Bởi vậy thế giới mà nghệ sĩ thấy...*

-> khẳng định quan điểm của tác giả *về thế giới mà người nghệ sĩ thấy là thế giới đại đồng, bình đẳng. Tấm lòng của nghệ sĩ đối với mọi sự vật trên đời đều đồng cảm và nhiệt thành*.

-Tính thuyết phục của đoạn 2: tạo lập đoạn văn với hình thức diễn dịch, các câu văn sau tập trung làm rõ câu chủ đề; dẫn chứng phù hợp và thuyết phục; sử dụng các thuật ngữ của Mĩ học, Đạo đức học, Triết học để làm rõ cho lí lẽ được đưa ra.

=> Người viết có vốn hiểu biết sâu sắc, có sự quan tâm đặc biết tới tấm lòng của người nghệ sĩ trước sự thay đổi của vạn vật trong cuộc sống.

Luận điểm 3.

- Quan điểm của tác giả đồng cảm là phẩm chất không thể thiếu của người nghệ sĩ.

- Li lẻ được nêu lên

+ *Tấm lòng của họa sĩ thường đồng điệu đồng cảm, cùng buồn, cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả: nếu không có tấm lòng đồng cảm bao la như thể mà chăm chăm vào kĩ thuật vẽ thì chắc chắn không thể trở thành họa sĩ thực sự được. Dù có vẽ thì tối đa cũng chỉ là thợ vẽ mà thôi*. (Phần 3)

+ *Thực ra nếu chúng ta bước vào thế giới của Mĩ, mở rộng lòng ra để biết đồng cảm nhiều hơn với vạn vật thì sẽ cảm nhận được rõ rệt những tình cảnh ấy*. (Phần 4) .

- Dẫn chúng được dẫn ra:

+ *Nếu nó không đủ khoáng đạt để đồng điệu với anh hùng thì không mô tả được anh hùng, nếu nó không đủ dịu dàng để hòa nhịp cùng thiếu nữ thì không khắc họa được thiếu nữ*. (Phần 3)

+ *Chưa đích thân trải nghiệm sức sống của rồng ngựa thì chẳng vẽ được rồng ngựa, không chứng kiến vẻ đẹp rắn rỏi của tùng bách thì đâu họa nổi tùng bách... Họa sĩ chúng tôi vẽ một cái bình hoa là phải để tâm vào bình hoa, để mình biến thành bình hoa cảm nhận cái lực của bình hoa mới thể hiện được cái thần của bình hoa.* (Phần 4)

- Tính thuyết phục của đoạn 3, 4: Dẫn chứng cụ thể, phù hợp với các lí lẽ tác giả đưa ra; sử dụng phép so sánh giữa họa sĩ và nhà thơ để làm nổi bật biểu hiện của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật.

Luận điểm 4 (Phần 5, 6)

- Tác giả đưa ra nhận định: *Người bình thường bẩm sinh ít nhiều cung đã có sự đồng điệu đồng cảm với binh dạng tư thái của vạn vật rồi*.

- Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra:

+ *Thấy toàn những hình dạng màu sắc đẹp đẽ, tâm hồn chúng ta cũng thư thái lây; trái lại nếu chỉ thấy rặt những hình dạng, màu mè xấu xỉ, chúng ta cũng đâm ra khó chịu*.

+ *Mức độ đồng cảm nông sâu khác*

- Người sáng tạo nghệ thuật học được trẻ em những điều:

+ Không vụ lợi về mọi đối tượng: *Không chỉ đồng cảm với con người... còn đồng cảm hết thảy sự vật như chó mèo, hoa cỏ, chim cá, bướm sâu...*

+ Luôn duy trì trạng thái nhìn đời hồn nhiên: *Hồn nhiên trò chuyện với chó mèo, hồn nhiên bôn lên hoa cỏ, hồn nhiên chơi với búp bê.*

+ Luôn phát hiện được những điều thú vị của thế giới mà nhiều người không thấy: *Chúng thường để ý đến những việc mà người lớn không chú tâm đến, phát hiện những điểm mà người lớn không phát hiện được.*

=> Tác giả nhắc đến nhiều về trẻ em và tuổi thơ: Theo tác giả, trẻ em chính là người đã dạy cho nghệ sĩ và tất cả chúng ta về cách nhìn đời, nhận ra mỗi tương thông giữa vạn vật và sự cần thiết phải duy trì sự hồn nhiên, vô tư khi ứng xử với thế giới, nghệ thuật.

- Tính thuyết phục của đoạn 5, 6: sử dụng lí lẽ, dẫn chứng để làm rõ nhận định; phép so sánh giữa trẻ em với nghệ sĩ để đúc kết những bài học cho người sáng tạo nghệ thuật; kết hợp giữa giọng điệu khẳng định với cách nói phản biện...

B1. Giáo viên giao nhiệm vụ: *Theo em văn bản đã thuyết phục người đọc về nội dung và nghệ thuật như thế nào?* **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận cặp đôi **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét - Các nhóm bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét cùng HS chuẩn xác kiến thức	**2. Nghệ thuật thuyết phục của văn bản** *** Nội dung** - Tác giả khẳng định lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong thế giới; nó giúp cuộc sống trở nên đẹp đẽ, nhân văn; giúp con người kết nối với nhau, khơi dậy phẩm chất nghệ sĩ của mình. - Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật. *** Nghệ thuật** - Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, giàu chất thơ. - Hệ thống luận điểm được triển khai logic, thuyết phục, mà không khô khan, đầy tinh tế. - Văn phong tự nhiên, như đang tâm sự, kể chuyện, đem đến cảm giác gần gũi, dễ tiếp nhận.... *** Thông điệp gửi gắm của tác giả** - Đồng cảm là cánh cửa giúp chúng ta cảm nhận được hết thảy vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật hay của thế giới tự nhiên đẹp đẽ xung quanh. - Việc bồi đắp nghệ thuật có thể giúp chúng ta đánh thức thế giới trẻ thơ ngay trong chính tâm hồn mình. - Tình yêu, sự cảm thông với con người là phẩm chất cần có trong mỗi chúng ta.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản,
- Có khả năng vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung: Đọc văn bản và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm

1. Trong bài viết, tác giả đã liên hệ tầm quan trọng của sự đồng cảm trong đời sống với:

A. Giá trị của con người. C. Sự phát triển công nghệ.

B. Việc thực hành nghệ thuật. D. Những tiến bộ trong khoa học.

2. Theo tác giả, trong thế giới của Mĩ (một thuật ngữ chỉ giá trị của đời sống), tiêu chuẩn giá trị nào của sự vật được quan tâm?

A. Dáng vẻ, hình thức của sự vật. C. Giá trị thực tiễn về tiền tệ.

B. Giá trị thực tiễn về công năng. D. Khả năng tái tạo và sản sinh.

3. Lòng đồng cảm giúp người họa sĩ đạt được điều gì?

A. Cảm hứng sáng tác phong phú. B. Danh tiếng và sự quan tâm của dư luận.

C. Sức mạnh tinh thần dồi dào. D. Nâng cao doanh thu của tác phẩm nghệ thuật.

4. Theo tác giả, người mà chúng ta cần học tập nhiều nhất về lòng đồng cảm là:

A. Những đứa trẻ. C. Những nhà thơ.

B. Người họa sĩ. D. Nhà khoa học.

5. Điều gì khiến người nghệ sĩ trở nên đặc biệt hơn so với những người bình thường khác?

A. Họ có năng khiếu thiên bẩm trong thưởng thức nghệ thuật.

B. Họ có nắm bắt được nhu cầu và thị hiếu của công chúng.

C. Họ nhìn thấy những sắc thái khác thường của sự vật.

D. Họ coi vạn vật là bình đẳng, có vẻ đẹp và đời sống riêng.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo kết quả

B4. Đánh giá, nhận xét:

GV đánh giá, nhận xét, cùng HS chuẩn hóa kiến thức

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: KẾT NỐI ĐỌC VIẾT.

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách.
- HS chọn được vấn đề bàn luận.
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1 (tại lớp) *Hãy kể tên 3 – 5 tác phẩm nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân em và viết 5 - 7 câu nêu cảm nhận của em về những tác phẩm đó.*

Học sinh cần xác định rõ: "tác phẩm nghệ thuật" trong đề bài đề cập đến nhiều hình thức nghệ thuật khác nhau, bao gồm cả tác phẩm văn học, tranh, ảnh, tác phẩm điện ảnh/sân khấu, sản phẩm âm nhạc,…và lựa chọn tác phẩm nghệ thuật phù hợp để nêu cảm nghĩ.

Để trình bày phần cảm nhận về tác phẩm, có thể sử dụng các câu hỏi gợi ý sau đây:

- Tác phẩm có tên là gì? Do ai sáng tác?

- Tác phẩm có nội dung là gì?

- Điều gì khiến em có ấn tượng sâu sắc nhất về tác phẩm?/ Thông điệp nào của tác phẩm em cảm thấy có ý nghĩa tác động đến nhận thức, hành động của mình? Em đã thay đổi như thế nào sau khi đọc, xem, suy ngẫm về tác phẩm?

- Tác phẩm đó sẽ hữu ích đối với nhóm đối tượng nào nhất? Em muốn gửi gắm điều gì với những người tiếp theo đón nhận tác phẩm/chia sẻ điều gì với những người cùng yêu thích tác phẩm đó?

Nhiệm vụ 2 (HS hoàn thành ở nhà)

Trong văn bản, tác giả có viết: "Mọi vật trên đời đều có nhiều mặt, mỗi người chúng ta chỉ thấy được một mặt mà thôi". Hãy liên hệ và trình bày suy nghĩ của em về việc giải quyết những xung đột trong giao tiếp và đời sống thường ngày bằng đoạn văn 10 -12 câu.

- Hình thức: Đoạn văn.

- Dung lượng: 10 – 12 câu.

- Nội dung: Việc giải quyết những xung đột trong giao tiếp và đời sống thường ngày.

Học sinh có thể trình bày những suy nghĩ và quan điểm cá nhân trong bài làm. Sau đây là một số gợi ý:

- "Mọi vật trên đời đều có nhiều mặt, mỗi người chúng ta chỉ thấy được một mặt mà thôi": Ở mỗi vai trò, mỗi thời điểm, hoàn cảnh khác nhau, mỗi người sẽ hình thành cách nhìn nhận, quan điểm khác nhau về cùng một sự việc, sự vật.

- Sự khác biệt trong quan điểm có thể dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã trong giao tiếp, ứng xử.

- Nguyên nhân:

+ Chưa nhìn nhận bao quát những hoàn cảnh, vai trò khác nhau trong cuộc sống.

+ Không muốn thay đổi, chưa cởi mở để lắng nghe những ý kiến trái chiều.

+ Thiếu sự đồng cảm, thích ứng để trao đổi và tiếp nhận những cái mới.

- Hệ quả:

+ Thể hiện thái độ không phù hợp, gay gắt để bảo vệ quan điểm cá nhân.

+ Gây rạn nứt các mối quan hệ do không đồng quan điểm.

+ Làm mất thiện cảm đối với những người khác, hạn chế việc trau dồi hiểu biết, kiến thức.

- Cần lắng nghe một cách thông minh, lựa chọn cách hiểu, lối suy nghĩ phù hợp, đúng đắn nhất để định hình tư duy, ứng xử.

- Biện pháp: Thực hành lòng đồng cảm đối với những sự vật xung quanh --> Hiểu về đời sống, trạng thái của chúng, đồng cảm với mọi người --> Hiểu và chia sẻ những suy nghĩ, cảm nhận, tình cảm để hướng đến tiếng nói chung, …

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

Stt	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *việc giải quyết những xung đột trong giao tiếp và đời sống thường ngày*	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	

4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (tiết *Chữ bầu lên nhà thơ* (Lê Đạt))

Dựa vào kiến thức trong SGK, sự hiểu biết, tìm hiểu của bản thân. Hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

(Có thể trình bày những điều em biết tìm hiểu, tra cứu bằng tranh, sơ đồ tư duy, video, ppt …)

NHIỆM VỤ TRƯỚC KHI HỌC
1. Nêu ngắn gọn thông tin về tác giả Lê Đạt …… …….. *2. Các tác phẩm chính của ông gồm:* …… ……. *3. Xuất xứ của văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ"* …… ……. *4. Bố cục của văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ"* …… …….

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu nhan đề
- Giải thích nghĩa của các từ + *chữ:* ..... + *bầu:* ..... + *bầu lên nhà thơ:* ..... - Kết nối nghĩa của từ: ..... - Vai trò của nhan đề : ....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi	Câu trả lời	Bổ sung
1. Hãy nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn? Từ đó nhận xét về nội dung các ý kiến đó?	…… …….	
2. Tác giả đã tranh luận với những quan niệm nào về thơ? Lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng là gì?	…… …….	
3. Em hiểu như thế nào về quan niệm "chữ bầu lên nhà thơ" của tác giả? Em có đồng tình với quan điểm này không?	…… …….	
4. Tác giả bàn luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính như thế nào?	…… …….	

PHỤ LỤC BÀI *YÊU VÀ ĐỒNG CẢM*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Phân tích luận điểm 1. Câu chuyện khởi đầu và dư âm để lại	
Trả lời các câu hỏi	**Yêu cầu sản phẩm**
- Phân tích câu chuyện mở đầu: *+ Phần 1 kể lại câu chuyện nào?* *+ Tác giả phục chú bé vì điều gì?* *+ Câu chuyện đó để lại cho tác giả điều gì?* - Theo anh/chị, việc mở đầu văn bản bằng một câu chuyện có ý nghĩa như thế nào đối với cách lập luận của tác giả?	- Trình bày trên giấy A0/các ứng dụng học tập. - Hình thức sơ đồ tư duy. Thuyết trình về sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Phân tích luận điểm 2. Chiêm nghiệm về cách nhìn đời của họa sĩ	
Trả lời các câu hỏi	**Yêu cầu sản phẩm**

- Tìm câu chủ đề trong phần 2. Nêu ý nghĩa của câu chủ đề đó. - Tác giả đã đưa ra những ví dụ nào để chứng minh cách nhìn đời khác nhau ở những người có nghề nghiệp khác nhau? - Tác giả đã phân biệt thế giới của Mĩ và Chân, Thiện khác nhau như thế nào? - Từ những ví dụ đó, tác giả có quan điểm như thế nào về thế giới mà nghệ sĩ nhìn thấy? - Nhận xét về tính thuyết phục của đoạn 2. (Lí lẽ, dẫn chứng, cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu, cảm xúc, các biện pháp tu từ...).	- Trình bày trên giấy A0/các ứng dụng học tập. - Hình thức sơ đồ tư duy. Thuyết trình về sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phân tích luận điểm 3. Luận về vai trò của sự đồng cảm trong sáng tạo nghệ thuật	
Trả lời các câu hỏi	**Yêu cầu sản phẩm**
- Theo tác giả, phẩm chất nào không thể thiếu ở người nghệ sĩ? - Tác giả đã đưa ra những lí lẽ, bằng chứng nào để chứng minh tầm quan trọng của phẩm chất đó? - Theo anh/chị, danh xưng "họa sĩ" được nhắc lại nhiều lần, nhưng điều tác giả muốn bàn luận có phải chỉ bó hẹp trong phạm vi hội họa không? Những từ ngữ, câu văn nào giúp nhận ra điều đó? - Nhận xét về tính thuyết phục của đoạn 3, 4. (Lí lẽ, dẫn chứng, cách sử dụng từ ngữ, giọng điệu, cảm xúc, các biện pháp tu từ...),	- Trình bày trên giấy A0/các ứng dụng học tập. - Hình thức sơ đồ tư duy. Thuyết trình về sản phẩm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Phân tích luận điểm 4. Bài học sáng tác từ cách nhìn thế giới của trẻ em	
Trả lời các câu hỏi	**Yêu cầu sản phẩm**
- Tác giả mở đầu luận điểm 4 bằng nhận định nào? Thử lí giải vì sao tác giả lại nhận định như vậy? - Hãy tìm trong văn bản những câu nói về trẻ em và tuổi thơ. - Tác giả đã phát hiện ra những điểm tương đồng nào giữa trẻ em và người nghệ sĩ. Sự khâm phục trẻ em được hình thành trên cơ sở nào? - Theo tác giả, người sáng tạo nghệ thuật học được điều gì ở trẻ em?	- Trình bày trên giấy A0/các ứng dụng học tập. - Hình thức sơ đồ tư duy. Thuyết trình về sản phẩm.

- Nhận xét về vai trò của luận điểm 4 với mạch lập luận toàn bộ văn bản.	

A.3. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Văn bản 3: CHỮ BẦU LÊN NHÀ THƠ

(Trích - Lê Đạt)

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo bộ câu hỏi định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Học sinh nhận biết được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận bàn về một vấn đề văn học.

+ Học sinh phân tích được quan niệm độc đáo của nhà thơ Lê Đạt về yếu tố then chốt trong sáng tạo thơ, cũng là yếu tố làm nên khuôn mặt riêng biệt của thơ so với các loại hình sáng tác ngôn từ khác.

+ Học sinh có được nhận thức đầy đủ hơn về lao động thơ và về nhà thơ

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS biết đọc hiểu ngôn từ nghệ thuật.

+ HS viết được một đoạn văn nghị luận bàn luận về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu đối với thơ ca và những giá trị thẩm mĩ trong đời sống

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học.

- Trách nhiệm: Hướng đến lối sống tích cực, hoàn thiện nhân cách bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.

- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU
a. Mục tiêu: - Tạo tâm thế, kết nối vào bài học. - Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề. **b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi /làm theo yêu cầu của GV **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; sản phẩm chuẩn bị ở nhà

d. Tổ chức thực hiện:

- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Trong bài thơ "Cảm xúc" Xuân Diệu viết

Làm thi sĩ nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến

Còn trong "Là thi sĩ", Sóng Hồng viết:

"Là thi sĩ nghĩa là hồn cao khiết
Chí kiên cường sứ mệnh cao siêu
Ca tự do, tiến bộ với tình yêu
Yêu nhân loại, hòa bình, công lí"

Trong hình dung của em, nhà thơ phải là người như thế nào? Em có cho rằng việc làm thơ gắn liền với những phút cao hứng, "bốc đồng"?

- B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và tự do phát biểu cá nhân.

- B3: Báo cáo sản phẩm:

HS phát biểu

- B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được một số thông tin về tác giả Lê Đạt, xuất xứ của đoạn trích, khái quát về văn bản
- HS nhận biết ý nghĩa nhan đề, bố cục, cách viết của tác giả.
- Học sinh chỉ ra được giá trị của ngôn từ nghệ thuật trong thơ.
- Học sinh biết nêu quan điểm, bảo vệ quan điểm, phản biện, tranh biện xung quanh các vấn đề chính.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo hướng dẫn và yêu cầu của GV khám phá văn bản

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và văn bản **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - GV yêu cầu HS trình bày nhiệm vụ học tập đã giao về nhà **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS trả lời PHT đã chuẩn bị **B3. Báo cáo, thảo luận**	**I. Tìm hiểu chung** ***1. Tác giả*** - Lê Đạt là nhà thơ luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa và từng tự nhận mình là "phu chữ". ***2. Tác phẩm chính*** *Bóng chữ* (thơ, 1994), *Ngỏ lời* (thơ,1997), *Mi là người bình thường* (tập truyện, 2007), *U75 từ tình* (thơ - đoản ngôn, 2007)... ***3.Văn bản "Chữ bầu lên nhà thơ"***

- HS báo cáo, nhận xét **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét và kết luận HS bổ sung kiến thức vào vở	- in lần đầu trên báo Văn nghệ, số 34,1994. - Tiểu luận thể hiện rõ quan điểm của Lê Đạt về nghề thơ, giúp soi sáng phần nào hướng tìm tòi độc đáo trong thơ ông. - Bố cục của văn bản được chính tác giả chia thành ba phần. + Phần 1: Tóm tắt những ý kiến từng được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay xung quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ (chữ) trong thơ. + Phần 2: Đối thoại với những quan niệm mà tác giả không đồng tình trên vấn đề lao động thơ và nhận diện tầm vóc nhà thơ qua cách nhà thơ tìm phiếu ủng hồ từ "cử tri chữ". + Phần 3: Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.
2. Hướng dẫn HS đọc văn bản **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1 Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhiệm vụ 1. GV yêu cầu khoảng 2 – 3 HS đọc lần lượt các phần của văn bản (đọc thành tiếng trước lớp). **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo kết quả** HS báo cáo kết quả thảo luận **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, giải thích cho HS hiểu rõ nghĩa các từ ngữ có thể đọc sai.	**II. Đọc văn bản** - HS đọc văn bản - HS chú ý phần cước chú và theo dõi các thẻ hướng dẫn đọc để điều chỉnh cách đọc phù hợp. GV sửa các lỗi đọc, nhân đó đưa ra những lời giải thích cần thiết, xem như một bước dọn đường cho hoạt động khám phá văn bản ở sau.
3. Hướng dẫn HS khám phá văn bản ***Tìm hiểu nhan đề*** **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** Hoàn thành PHT số 1 - Giải thích nghĩa của các từ - Kết nối nghĩa của từ - Vai trò của nhan đề **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm lớn **B3. Báo cáo, thảo luận**	**III. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề.** **- Chữ bầu lên nhà thơ:** chữ là yếu tố quyết định tạo nên tư cách nhà thơ - Vai trò của nhan đề + Căn cứ vào danh ngôn của Ét-mông Gia-bét (Edmond Jabes) được dùng làm nhan đề + căn cứ vào con đường thơ mà Lê Đạt miệt mài theo đuổi => vấn đề chính được bàn luận trong văn bản là *lao động chữ nghĩa trong hoạt động sáng tạo thơ*

- HS báo cáo, nhận xét - Các nhóm bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức	*ca và tính chất, ý nghĩa khác thường của "chữ" trong thơ.*
Hướng dẫn HS tìm hiểu các luận điểm trong bài viết **B1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** Chia lớp thành 4 nhóm theo hình thức KHĂN TRẢI BÀN 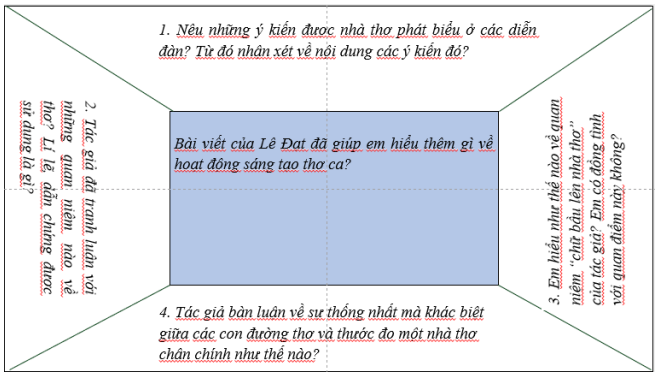 *1. Hãy nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn? Từ đó nhận xét về nội dung các ý kiến đó?* *2. Tác giả đã tranh luận với những quan niệm nào về thơ? Lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng là gì?* *3. Em hiểu như thế nào về quan niệm "chữ bầu lên nhà thơ" của tác giả? Em có đồng tình với quan điểm này không?* *4. Tác giả bàn luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính như thế nào?* **- Câu hỏi thảo luận chung:** *Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?* **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm lớn **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét - Các nhóm bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức *Bài viết của Lê Đạt đã giúp em hiểu thêm gì về hoạt động sáng tạo thơ ca?*	**2. Nội dung văn bản** **a. Những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn khác nhau, xoay quanh đặc thù của lao động thơ, của ngôn từ trong thơ.** - Tại cuộc Hội thảo Văn miếu và trong tập Bóng chữ, nhà thơ phát biểu: + Văn xuôi chủ yếu dựa vào "ý tại ngôn tại" + Thơ khác hẳn, dựa vào "ý tại ngôn ngoại". Đã "ý tại ngôn ngoại" tất nhiên phải cô đúc và đa nghĩa. + Người ta làm thơ không phải bằng ý mà bằng chữ. + Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở "nghĩa tiêu dùng" nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ. + Nói như Va – lê – ri, chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hóa trị. - Nhà thơ đã đưa ra sự khác nhau giữa ngôn ngữ trong văn và ngôn ngữ thơ **b. Tác giả đã tranh luận với hai quan niệm khá phổ biến:** - Thơ gắn liền với những cảm xúc bột phát, "bốc đồng" , làm thơ không cần cố gắng. - Thơ là vấn đề của những năng khiếu đặc biệt, xa lạ với lao động lầm lũi và nỗ lực trau dồi học vấn. - Để minh chứng cho lí lẽ của mình, nhà thơ đã đưa các nhà văn, nhà diễn thuyết nổi tiếng để tạo căn cứ cho luận điểm. Ví dụ: + Tôn – xtoi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết "Chiến tranh và hòa bình" + Phlo – be cân nhắc chữ trên cân tiểu li như người thầy thuốc - Tác giả không đồng tình với định kiến: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng lụi tàn

Sáng tạo thơ ca là một loại lao động có tính đặc thù, đòi hỏi nhà thơ phải tốn rất nhiều tâm não trong cuộc vật lộn với chữ để làm nên những sản phẩm ngôn từ độc đáo, đặc sắc, làm phong phú cho tiếng nói chung.	sớm. Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho. - Nhà thơ bày tỏ sự kính trọng đối với những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổ bát mồ hôi lấy từng hạt chữ. - Ông đưa những tấm gương nhà thơ: Lý Bạch, Xa-a-đi, Gớt, Ta-go làm minh chứng. => Tác giả muốn người đọc đừng dễ dãi tin vào những nhận định phổ biến mà cần phải đào sâu vấn đề với ý thức phản biện thường trực. **c. Nhận định "chữ bầu lên nhà thơ"** -Theo nhà thơ gốc Pháp, Gia-bét: không có chức nhà thơ suốt đời . Mỗi lần làm một bài thơ, nhà thơ phải ứng cử trong một cuộc bầu khắc nghiệt của cử tri chữ. - "Chữ" là ngôn ngữ nghệ thuật in đậm dấu ấn sáng tác của nhà thơ và chữ trong thơ là loại ngôn ngữ đặc thù khác với ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ ngôn ngữ văn xuôi, không còn là ngôn ngữ biểu đạt thông thường mà đã trở thành một đối tượng tự dựng mình thành cõi riêng, thách thức khám phá. -Theo tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo "ý tại ngôn ngoại". **d. Luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước đo một nhà thơ chân chính.** - Theo tác giả, con đường thơ gồm nhiều con đường riêng rất khác nhau của từng người. Không có con đường chung cho toàn thể mọi người. - "Con đường thơ chính là số phận của một nhà thơ": cách nói thể hiện sự liên kết, mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà thơ và tác phẩm của họ. - Nhà thơ phải dùi mài, lao động chữ, biến ngôn ngữ công cộng thành ngôn ngữ đặc sản độc nhất làm phong phú cho tiếng mẹ đẻ. => Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phát bất chợt, những cảm hứng ngắn ngủi hoặc phải làm việc chăm chỉ trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà
Hướng dẫn HS tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong bài viết **B1. Giáo viên giao nhiệm vụ:** - *Bài viết của Lê Đạt đã thuyết phục người đọc nhờ những yếu tố nghệ thuật nào?*	

B2. HS thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét - Các nhóm bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức	thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ. **3. Nghệ thuật lập luận** - Tác giả sử dụng phong cách lập luận chặt chẽ, rõ ràng trong lời văn, cách cắt nghĩa lí giải rành mạch. - Sử dụng hệ thống luận điểm rõ ràng, với lí lẽ sắc bén, tinh tế, dẫn chứng cụ thể, hấp dẫn.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản,
- Có khả năng vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung: Trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Bạn có ý kiến gì về luận điểm: "Nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở "nghĩa tiêu dùng", nghĩa tự vị của nó, mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong tương quan hữu cơ với câu, bài thơ"? Nếu tán đồng với tác giả Lê Đạt, hãy đưa ra một ví dụ để minh hoạ.

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân

B3. Báo cáo kết quả

HS báo cáo kết quả

HS khác nhận xét, bổ sung

B4. Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức

Luận điểm đã nêu mang đậm dấu ấn của Lê Đạt, thể hiện quan niệm và tìm tòi riêng của Lê Đạt. Không phải ai cũng tán đồng với ông, nhưng phải thấy rằng vấn đề đã được nêu lên một cách nghiêm túc, có căn cứ. Lê Đạt cho rằng khi làm thơ, nhà thơ luôn phải tìm cách làm mới "chữ", khiến cho "chữ" lập tức gây chú ý vì nội hàm ý nghĩa khác thường của nó so với nghĩa đã được xác định trong từ điển, hơn thế, nó còn tạo được sự vang vọng riêng mà chỉ đặt vào "câu này", "bài thơ này" người đọc mới cảm nhận được một cách rõ rệt. Đi theo những "chữ" như thế, người ta dần nhận thức được rằng ngôn từ trong thơ không còn là phương tiện thuần tuý được dùng để chuyển tải mà nó có một quyền lực riêng chi phối người đọc, buộc người đọc phải nhìn đời theo cách được nó gợi ý.

Ví dụ: Trong bài *Mùa xuân chín*, từ *chín* đã được Hàn Mặc Tử dùng một cách khác thường. Sự khác thường không phải ở chỗ *chín* được dùng gắn với một đối tượng trừu tượng, vì nghĩa này vẫn có thể tìm thấy trong từ điển (như "tài năng của anh đã bước vào độ chín"), mà ở chỗ từ này lập tức gợi lên ở người đọc một trạng thái tâm lí lưỡng phân không dễ giải thích: nửa hân hoan, nửa bồn chồn (hân

hoan vì vẻ đẹp phồn thịnh của mùa xuân, bồn chồn vì dự cảm được "độ phai tàn sắp sửa"). ví dụ khác từ chính thơ của Lê Đạt: *Anh đến mùa thu nhà em/ Nắng cúc lăm răm vũng nhỏ…* (*Thu nhà em*).

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG: KẾT NỐI ĐỌC VIẾT.

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đúng quy cách.
- HS chọn được vấn đề bàn luận.
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. **Nội dung**: Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ về một nhận định mà bạn thấy tâm đắc trong văn bản *Chữ bầu lên nhà thơ* của Lê Đạt.

Lưu ý: cần nói ra những suy nghĩ thật của mình, có thể đồng tình hoặc không đồng tình hay bày tỏ sự tâm đắc với riêng một luận điểm, một ý nào đó.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài trên zalo/padlet ...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

Stt	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: về một nhận định mà bạn thấy tâm đắc trong văn bản *Chữ bầu lên nhà thơ* của Lê Đạt	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (tiết *Thực hành tiếng Việt*)

Dựa vào kiến thức trong SGK, sự hiểu biết, tìm hiểu của bản thân. Hãy hoàn thành các bài tập trong sgk trang 86, 87.

PHỤ LỤC BÀI *CHỮ BẦU LÊN NHÀ THƠ*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu nhan đề

- Giải thích nghĩa của các từ

+ *chữ:* .....

+ *bầu:* .....

+ *bầu lên nhà thơ:* .....

- Kết nối nghĩa của từ:

.....

- Vai trò của nhan đề :

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

Câu hỏi	Câu trả lời	Bổ sung
1. Hãy nêu những ý kiến được nhà thơ phát biểu ở các diễn đàn? Từ đó nhận xét về nội dung các ý kiến đó?		
2. Tác giả đã tranh luận với những quan niệm nào về thơ? Lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng là gì?		
3. Em hiểu như thế nào về quan niệm "chữ bầu lên nhà thơ" của tác giả? Em có đồng tình với quan điểm này không?		
4. Tác giả bàn luận về sự thống nhất mà khác biệt giữa các con đường thơ và thước		

đo một nhà thơ chân chính như thế nào?		

A4. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

LỖI VỀ LIÊN KẾT VÀ MẠCH LẠC TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN: DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức liên quan đến văn bản theo câu hỏi, bài tập định hướng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Học sinh củng cố được kiến thức về đặc điểm của sự mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

+ Học sinh nhận biết, phân tích được những lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản.

+ Học sinh nêu được cách chỉnh sửa, chủ động chỉnh sửa văn bản.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS biết sử dụng từ ngữ phù hợp tạo sự mạch lạc và liên kết

+ HS tạo lập được đoạn văn nghị luận đảm bảo tính mạch lạc và liên kết.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu, sự trân trọng với tiếng việt

- Trách nhiệm: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.

- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi "Ai nhanh hơn"

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Xác định những nhận định dưới dây là đúng(Đ) hay sai (S)

Nhận định	Đúng	Sai
1. Tính mạch lạc thể hiện ở liên kết về chủ đề, nghĩa là: các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản đều phải hướng về cùng một chủ đề		
2. Để đảm bảo tính mạch lạc, các câu trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản không được mẫu thuẫn với nhau về ý.		
3. Các câu trong đoạn văn có thể sắp xếp theo bất cứ cách nào thì đoạn văn vẫn có tính mạch lạc.		
4. Phép thế, phép nối, phép lặp …là những phương tiện liên kết thuộc liên kết nội dung.		
5. Biểu hiện của lỗi liên kết là người viết sử dụng sai phương tiện liên kết hoặc thiếu phương tiện liên kết.		

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS suy nghĩ và tự do phát biểu cá nhân.

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS phát biểu

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận biết được những lỗi mạch lạc và liên kết trong văn bản, nêu được cách chỉnh sửa hay chủ động chỉnh sửa.

- Học sinh vận dụng để hoàn thành bài tập

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo hướng dẫn

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Hướng dẫn HS làm bài tập 1 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** *Nêu nhận xét khái quát về mạch lạc và liên kết trong văn bản "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia"* Có thể vẽ một sơ đồ đơn giản để biểu thị sự liên kết trong nội bộ đoạn 2 và giữa đoạn 2 với hai đoạn trước và sau đó **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến **B3. Báo cáo, thảo luận**	**BÀI TẬP 1** - Mạch lạc trong văn bản *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* được thể hiện rất rõ qua sự chi phối của một luận đề thống nhất đối với nội dung tất cả các đoạn, các câu. - Liên kết + các phép nối, phép thế, phép lặp được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả. + Xét riêng đoạn 2, có thể thấy sự xuất hiện của những từ ngữ như "vì vậy", "như thế", khiến cho các câu văn gắn nối thành một dòng liên tục.

- HS báo cáo, nhận xét **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức. HS bổ sung kiến thức vào vở	Trong mối quan hệ với đoạn 1 (chỉ gồm một câu), đoạn 2 chứa nội dung đã được giới thiệu trước đó qua cụm từ "mà rằng"; còn trong mối quan hệ với đoạn 3, đoạn 2 nêu các vấn đề mà sau đó sẽ được tiếp nối qua từ "lại" (trong "lại cho rằng"). => ba đoạn có sự liên kết với nhau rất chặt
2. Hướng dẫn HS làm bài tập 2 **CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:** **B1 Chuyển giao nhiệm vụ:** Chia lớp thành 6 nhóm, bốc thăm ngẫu nhiên nội dung thảo luận (2 nhóm cùng một nội dung) Nhóm 1, 2: Đoạn 1 - *Đọc đoạn văn 1 trong bài tập 2 và trả lời câu hỏi* - *Từ bài tập đã làm, em hãy cho biết cách nhận biết và khắc phục lỗi về mạch lạc trong đoạn văn và trong văn bản?* Nhóm 3, 4: Đoạn 2 - *Đọc đoạn văn 2 trong bài tập 2 và trả lời câu hỏi* - *Từ bài tập đã làm, em hãy cho biết cách nhận biết và khắc phục lỗi về mạch lạc trong đoạn văn và trong văn bản?* Nhóm 5, 6: Đoạn 3 - *Đọc đoạn văn 3 trong bài tập 2 và trả lời câu hỏi* - *Từ bài tập đã làm, em hãy cho biết cách nhận biết và khắc phục lỗi về liên kết trong đoạn văn và trong văn bản?* **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm - Trao đổi giữa các nhóm cùng nội dung, thống nhất, bổ sung **B3. Báo cáo kết quả** HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	**BÀI TẬP 2** **Đoạn 1.** a) Lý do đoạn (1) được coi là đoạn văn: - Về hình thức: + Đoạn văn trên được tạo thành bằng 4 câu văn được liên kết với nhau bằng phép liên kết hình thức: phép lặp, phép thế. + Đoạn văn trên được viết giữa hai dấu chấm xuống dòng, chữ cái đầu đoạn được viết lùi vào một chữ và viết hoa. - Về nội dung: đoạn văn có nội dung viết về lòng đồng cảm của con người, thuộc văn bản *Yêu và đồng cảm.* b) Các câu trong đoạn văn có sự mạch lạc với nhau, cùng nói về tấm lòng đồng cảm của con người, trong câu đều nhắc đến các từ "tấm lòng" hay "lòng đồng cảm". c) Dấu hiệu nhận thấy sự mạch lạc giữa các đoạn: - Đoạn văn trên và các đoạn văn khác đều hướng đến làm nổi bật chủ đề của văn bản *Yêu và đồng cảm.* - Đoạn văn trên là một lí lẽ nằm trong đoạn (5) của văn bản, kết lại vấn đề về tấm lòng đồng cảm của trẻ em và con người. d) Những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: *con người/người, tấm lòng, lòng đồng cảm, chỉ có/chỉ vì.* Tác dụng của việc lặp lại các từ ngữ trên là để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu văn, đoạn văn có sự mạch lạc, logic về mặt hình thức. **Đoạn 2** - Mặc dù từ "hiền tài" được dùng lặp lại trong tất cả các câu nhưng nội dung đoạn văn vẫn rời rạc vì các câu không cùng quy về một chủ đề, nói cách khác, mỗi câu tự dựng lên một chủ đề riêng. - Người viết đoạn văn đã nhầm lặp từ với liên kết (trên thực tế, việc cố ý lặp từ không phải bao giờ cũng đồng nghĩa với việc dùng phép lặp). Chính

	vì điều này đoạn văn thiếu mạch lạc, các câu không hướng về cùng một chủ đề. *** Lỗi về mạch lạc trong đoạn văn và trong văn bản** **- Nhận biết lỗi** Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định. **- Khắc phục lỗi** + Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản. + Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề. + Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề **Đoạn 3** a) Dấu hiệu nổi bật: câu văn thứ hai trong đoạn được triển khai không đúng với chủ đề chung của đoạn văn. b) Dấu hiệu của lỗi liên kết: - Phép nối được sử dụng để liên kết giữa câu một và câu hai chưa phù hợp. - Giữa câu hai và câu ba chưa có phép liên kết hình thức. c) Cách sửa: - Thay thế phép nối "Mặc dù … nên…" giữa câu một với câu hai thành "Vì … nên…", trở thành câu: "Vì không tìm thấy được ích lợi của đọc sách trong việc bồi dưỡng tâm hồn, phát huy trí tưởng tượng và rèn luyện cách suy nghĩ nên hầu như mọi người đã vứt bỏ thói quen đọc sách." - Có thể sửa câu thứ ba thành "Tuy chiếc điện thoại thông minh rất tiện lợi trong việc đáp ứng nhiều nhu cầu của con người trong cuộc sống hiện đại, nhưng nó lại khó giúp ta tìm được sự yên tĩnh, lắng sâu trong tâm hồn." *** Lỗi về liên kết trong đoạn văn và trong văn bản** **- Nhận biết lỗi** Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc.

	- Khắc phục lỗi + Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn. + Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai. + Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn văn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày.

HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS viết được đoạn văn đảm bảo tính mạch lạc và liên kết
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. **Nội dung**: Viết đoạn văn nghị luận

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) triển khai ý từ câu chủ đề sau: Thất bại giúp con người nhận ra nhiều bài học quý giá để hoàn thiện bản thân và bước đến thành công.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài trên zalo/padlet ...

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

Stt	Tiêu chí	Đạt/ Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ	
2	Đoạn văn đúng chủ đề: *việc giải quyết những xung đột trong giao tiếp và đời sống thường ngày*	
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.	
4	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.	

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (tiết *Viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm)*

PHIẾU GIAO NHIỆM VỤ

Vì sao cần viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hoặc một quan niệm	…… ……
Bạn chọn thói quen hoặc quan niệm nào làm đề tài?	…… ……
Tìm kiếm những thông tin, tài liệu có thể phục vụ cho bài viết	…… ……

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc văn bản "Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ?"

Vấn đề chính của bài viết: ……
Các luận điểm trong bài viết (theo trình tự của văn bản) …… …… …… ……

B1. VIẾT

VIẾT MỘT BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: HS tự tìm kiếm tri thức theo câu hỏi, bài tập định hướng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Học sinh hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục.

+ Học sinh chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

+ Học sinh phân tích được tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.

+ Học sinh nêu được những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ HS tạo lập được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu, sự trân trọng với tiếng Việt
- Trách nhiệm: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản. Chủ động, tự giác dám thay đổi bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.
- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi "Nhanh như chớp"

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Ghi vào giấy nhớ:

+ Những thói quen cần từ bỏ

+ Những quan niệm cần từ bỏ

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận nhóm theo bàn

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS báo cáo kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một bài luận thuyết phục.
- HS biết thực hành viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm theo các bước được hướng dẫn.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo hướng dẫn

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**	**I. Yêu cầu của kiểu bài** - Bài luận thuyết phục là một kiểu bài viết thông dụng trong đời sống, thường được thể hiện dưới

Theo em việc thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm có cần thiết không? Vì sao? **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận cặp đôi, thống nhất ý kiến **B3. Báo cáo, thảo luận** - HS báo cáo, nhận xét **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, cùng HS chuẩn xác kiến thức.	nhiều hình thức tổ chức văn bản ngôn từ như: thư khuyên can, nhắc nhở; lời tư vấn của chuyên gia; lời tâm tình với bạn;… - Cấu trúc tương đối ổn định: nêu vấn đề – phân tích lợi hại – khuyên can – bày tỏ mong muốn được nhìn thấy chuyển biến tốt ở đối tượng tiếp nhận. - Xét từ góc độ giao tiếp, đây là kiểu bài viết thể hiện khá rõ ý thức xã hội tích cực của người viết trong việc tham gia xây dựng một môi trường sống lành mạnh, có sự hiểu biết lẫn nhau. - Người thuyết phục phải thể hiện được nhận thức vững vàng về vấn đề được đề cập và tư cách phát ngôn chính đáng của mình. - Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm là điều hết sức cần thiết. + nắm được cách tạo lập văn bản nghị luận nói chung + định hướng lối nghĩ, lối sống lành mạnh, giàu tinh thần vì xã hội, cộng đồng (trong khi khuyên hay thuyết phục người khác thì chính chủ thể cũng phải soát xét lại nhận thức, hành động của bản thân).
2. Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - Đọc bài nghiên cứu tham khảo và các thẻ định hướng đọc (trong SGK). - Xác định vấn đề, hoàn thành phiếu học tập số 1 - Nhận xét về hiệu quả thuyết phục của từng luận điểm - Trả lời câu hỏi 1, 2, 3 trang 90 **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm theo bàn **B3. Báo cáo kết quả** HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung **B4. Kết luận, nhận định**	**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo** **Vấn đề chính:** Thuyết phục người khác từ bỏ thói nghiện điện thoại thông minh. *** Các luận điểm trong bài viết** **- Luận điểm 1:** Nêu hiện tượng nghiện điện thoại thông mình bằng vị thế của người trong cuộc. *người viết đặt mình vào vị thế của người trong cuộc, người cùng lứa tuổi, thời đại để khẳng định tư cách phát ngôn chính đáng của mình.* **- Luận điểm 2:** Bày tỏ thái độ cảm thông, hiểu biết, chia sẻ để gây thiện cảm với đối tượng được thuyết phục bằng cách công nhận điện thoại thông minh đem lại nhiều lợi ích cho người dùng. Nhưng những lợi ích đó là một lí do dẫn đến chứng nghiện điện thoại thông minh.

GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	*Việc bày tỏ thái độ cảm thông, hiểu biết, chia sẻ giúp xây dựng ấn tượng tích cực với người cần thuyết phục.* **- Luận điểm 3:** Nêu những biểu hiện cụ thể và phân tích tác hại của chứng nghiện diện thoại thông minh. *Làm rõ mức độ nghiêm trọng của thời quen nghiện điện thoại di động. Đây là ý trọng tâm của bài viết nên được triển khai kĩ lưỡng, thể hiện rõ nhận thức của người viết.* **- Luận điểm 4:** Tác giả đã cai nghiện điện thoại thông minh như thế nào. *Chứng minh rằng chứng nghiện điện thoại di động có thể từ bỏ được.* - Luận điểm 5: Bày tỏ tinh thần sẵn sàng hỗ trợ, giúp đỡ người được thuyết phục cai nghiện điện thoại thông minh. *bày tỏ thiện chí, sự sẵn lòng giúp đỡ để người được thuyết phục hiểu rằng họ không đơn độc đối diện với khó khăn thử thách* =>Bài viết có tính thuyết phục cao *** Những vấn đề cần lưu ý:** - Muốn thực sự thuyết phục, người viết cần đặc biệt lưu ý: + Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng mạch lạc và có sự logic. + Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng chính xác và phải có sức thuyết phục với người khác. + Giọng điệu, câu văn cần rõ ràng, ngắn gọn mà dễ hiểu, tạo sự hứng thú với người đọc, người nghe. - Vị thế của người thuyết trình + Là người từng bị nhiễm những thói quen xấu, thể hiện quan điểm của chính bản thân, có thể tăng thêm sức tin tưởng với người khác. + Là người ngoài cuộc, từng chứng kiến, tiếp xúc với những người có thói quen không tốt, nêu quan điểm và đưa ra những bằng chứng xác đáng, tạo sự hứng thú, sức thuyết phục với người khác. - Ý nghĩa của việc suy đoán về những lí lẽ phản bác của người được thuyết trình + Dự kiến được những lí lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát quá trình thuyết phục một cách tốt nhất.

	+ Người thuyết trình có thể kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lí lẽ của người được thuyết phục. + Tránh mất bình tĩnh, bối rối khi bị người được thuyết phục phản bác.
2. Hướng dẫn HS thực hành viết **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - Lựa chọn đề tài - Tìm ý và lập dàn ý - Viết - Chỉnh sửa và hoàn thiện **B2. HS thực hiện nhiệm vụ** - Lựa chọn đề tài - Tìm ý và lập dàn ý Chia lớp thành 6 nhóm ngẫu nhiên, bốc thăm đề tài, tìm ý, lập dàn ý (trên giấy A0) - Viết (HS làm việc cá nhân) - Chỉnh sửa và hoàn thiện (Cặp đôi, trao đổi bài để phát hiện lỗi và chỉnh sửa) **B3. Báo cáo kết quả** HS báo cáo kết quả thảo luận Nhóm khác nhận xét, bổ sung **B4. Kết luận, nhận định** GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức	**III. Thực hành viết** **1. Chuẩn bị viết: Lựa chọn đề tài** **Danh mục đề tài** - Về các thói quen cần từ bỏ: đi học muộn; không làm bài tập ở nhà; không chuẩn bị bài mới; hay ăn quà vặt trong lớp; hay dựa dẫm ỷ lại; xả rác, chất thải không đúng nơi qui định; cười nói to, gây tiếng ồn nơi công cộng….. - Về các quan niệm cần từ bỏ: kì thị người khác giới; kì thị người tàn tật; coi thường những người có hoàn cảnh khó khăn; quá đề cao cái tôi cá nhân; cần ăn mặc khác người để tỏ ra sành điệu…. Đề tài được chọn nên là các thói quen/quan niệm mang **tính phổ biến gây ảnh hưởng tiêu cực** đối với việc xây dựng môi trường giao tiếp, môi trường sống tốt đẹp văn minh, văn hóa. **2. Tìm ý, lập dàn ý** **Tìm ý** Để tìm ý, có thể đặt ra các câu hỏi: *- Thói quen hay quan niệm ấy có phổ biến không?* *- Thói quen hay quan niệm cần từ bỏ ấy có những biểu hiện cụ thể nào?* *- Vì sao cần phải từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy? (Nó ảnh hưởng không tốt đến bạn và môi trường hoặc cộng đồng như thế nào?)* *- Việc từ bỏ thói quen hay quan niệm ấy nên được thực hiện ra sao?* *- Tôi và tập thể có thể hỗ trợ gì cho bạn?* **Lập dàn ý** - Mở bài: Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuẩn bị thuyết phục người khác từ bỏ (có thể gợi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết). - Thân bài: + Trình bày biểu hiện của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

	+ Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó. + Đề xuất cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp. + Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp. - Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập. **3. Viết** - Dựa vào dàn ý đã lập để thực hiện bài viết. - Cần chọn giọng điệu ân cần, cảm thông khi thể hiện lí lẽ thuyết phục. Dù khi viết, bạn không nhất thiết phải nêu tên người được thuyết phục, nhưng bạn cần hình dung về đối tượng đang nghe mình nói một cách hết sức cụ thể. Điều này sẽ giúp bài viết tránh được những lời hô hào chung chung. - Cần nêu những bằng chứng tích cực để bài viết thể hiện rõ tính chất động viên. **4. Chỉnh sửa, hoàn thiện** - Đọc lại bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để đảm bảo không bỏ sót ý. - Thay thế những từ ngữ có thể tạo nên giọng điệu thuyết phục không thích hợp, chẳng hạn những từ ngữ toát lên sắc thái mệnh lệnh, quyết đoán: không được, cần phải... Bỏ những ý, những câu dễ tạo ra phản ứng ngược từ phía người được thuyết phục. - Bổ sung những ý, những câu thể hiện sự cảm thông, chia sẻ cần thiết với đối tượng được thuyết phục nếu thấy còn thiếu. - Chỉnh lại những điểm thiếu nhất quán và chưa phù hợp với bối cảnh thuyết phục, đặc biệt là việc sử dụng các đại từ xung hô. - Rà soát để đảm bảo không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản.

HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS viết được bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen, một quan niệm không phù hợp
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. **Nội dung**: Viết bài luận

c. Sản phẩm: Bài luận

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết bài luận theo đề tài đã chọn.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

Rubics đánh giá

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (Dưới 5 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (Từ 5 – dưới 7 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (Từ 7 – dưới 8 điểm)	XUẤT SẮC (Từ 8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	- Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả. - Sai lỗi nhiều chính tả.	- Bài làm còn sơ sài, trình bày tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối về kiến thức cần đạt. - Sai một số lỗi chính tả.	- Bài làm tương đối đầy đủ, đáp ứng tương đối kiến thức cần đạt. - Không có lỗi chính tả.	- Bài làm đầy đủ, đảm bảo đúng theo yêu cầu. - Khoa học, có sự sáng tạo. - Không mắc lỗi.
Nội dung (7điểm)	- Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm. - Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn. - Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	- Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 1 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tương đối đúng và đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn. - Trả lời đúng trọng tâm. - Có ít nhất 2 ý mở rộng nâng cao.	- Trả lời tốt các câu hỏi gợi dẫn - Trả lời đúng trọng tâm - Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao trở lên. - Có sự sáng tạo
Điểm				

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (tiết *Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề xã hội có ý kiến khác nhau)*

Dựa vào kiến thức trong SGK, sự hiểu biết, tìm hiểu của bản thân. Hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau:

CHUẨN BỊ NHIỆM VỤ NHÓM		
Chủ đề tranh biện: Cai nghiện điện thoại thông minh: Nên hay không nên?		
Nhóm	**Nhiệm vụ**	**Yêu cầu thảo luận**
1	Đội ủng hộ: Đồng tình với quan điểm nên cai nghiện điện thoại thông minh.	- Nhóm chuẩn bị ở nhà: phân công nhiệm vụ các thành viên, xây dựng các hệ thống luận

2	Đội phản đối: Không đồng tình với quan điểm cai nghiện điện thoại thông minh.	điểm để đưa ra quan điểm cá nhân, bảo vệ quan điểm của nhóm. - Cử đại diện mỗi nhóm 3 thành viên để tham gia vào cuộc tranh biện trực tiếp trên lớp.
3	Đội chuyên gia: - Tổ chức chương trình. - Hội đồng giám khảo.	- Tìm hiểu về chủ đề mà nhóm 1, 2 cần thảo luận. - Lên ý tưởng tổ chức hoạt động tranh biện bằng kịch bản bản word (nộp trước cho GV bộ môn điều chỉnh, góp ý). - Xây dựng tiêu chí chấm điểm cho phần tranh biện (nộp trước cho GV bộ môn điều chỉnh, góp ý; gửi đến cho các nhóm trước tiết học).

C. NÓI VÀ NGHE

Ngày dạy A1:

THẢO LUẬN
VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

I. Mục tiêu

1. Về năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ HS biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

+ HS biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp

+ HS biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS làm việc nhóm thực hiện các nhiệm vụ học tập.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học:

+ Xác định được vấn đề cần thảo luận là về một vấn đề đời sống.

+ Trình bày được ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định.

+ Biết cách thể hiện nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

- Năng lực ngôn ngữ:

+ Trình bày được diễn biến của cuộc thảo luận.

+ Nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề thảo luận.

2. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Có thái độ tích cực trong lắng nghe, trình bày ý kiến trong cuộc thảo luận.

- Trung thực: Thể hiện được thái độ tán thành hay phản đối đối với những ý kiến đã được trình bày.

- Trách nhiệm: Tôn trọng người đối thoại để cùng tìm tiếng nói chung về vấn đề.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Máy tính, màn hình ti vi, phiếu học tập.
- Học liệu: SGK, các hình ảnh, kế hoạch dạy học...

III. Tổ chức hoạt động dạy học

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế, kết nối vào bài học.
- Học sinh huy động tri thức đã học, sự hiểu biết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b. Nội dung: HS xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

HS xem video https://youtu.be/1CyMFL9Qjfg

(Chơi game có gì sai)

Ghi lại những ý kiến khác nhau về chơi game?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân

B3: Báo cáo sản phẩm:

HS báo cáo kết quả, HS khác nhận xét, bổ sung

B4: Đánh giá, nhận xét:

GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS và dẫn vào bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP

HOẠT ĐỘNG TRANH BIỆN "CHÚNG TÔI NÓI"

a. Mục tiêu:

- HS Trình bày được ý kiến nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về vấn đề : Nên hay không nên cai nghiện điện thoại thông minh.
- HS biết cách thể hiện nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.
- HS nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề thảo luận.

b. Nội dung:

Hoạt động tranh biện "Chúng tôi nói"

c. Sản phẩm: phiếu học tập, câu trả lời.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Chuẩn bị bài nói, nghe **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Kiểm tra phần chuẩn bị Phân công thành viên **B2. HS thực hiện nhiệm vụ**	***1. Chuẩn bị bài nói, nghe*** ***Người nói*** | ***Người nghe*** - Nêu sự hưởng ứng với đề tài cuộc thảo luận. | - Nghe trên tỉnh thần chuẩn bị đưa ra ý kiến hồi đáp của mình để

<table>
<tr>
<td>
- Các nhóm HS kiểm tra lại phần chuẩn bị ở nhà, chú ý vào những yêu cầu của người nói người nghe.
- HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ phân vai đã chuẩn bị trước ở nhà.
- Các nhóm thống nhất phân công thành viên đại diện nhóm tham gia tranh biện.
B3. Báo cáo, thảo luận
- HS báo cáo các việc đã chauanr bị
B4. Kết luận, nhận định
GV kết luận
</td>
<td>
<table>
<tr>
<td>- Nêu được cách nhìn nhận của riêng mình và làm rõ căn cứ của cách nhìn nhận đó.
- Tóm tắt lại ý kiến của bản thân, nhấn mạnh sự bổ ích của cuộc thảo luận.</td>
<td>cuộc thảo luận đạt kết quả tích cực.

- Ghi vắn tắt lại những điểm cần tranh luận với người nói.</td>
</tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>
2. Trình bày bài nói, nghe
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
MC của đội chuyên gia phổ biến luật của hoạt động tranh biện. Cuộc tranh biện gồm 2 phần chính đan xen nhau
- Phần nói của thành viên mỗi đội (Phiếu học tập số 1, 2, 3)
- Phần hỏi đáp giữa đại diện của mỗi đội: Người hỏi chỉ hỏi, không trình bày luận điểm; Người hỏi có thể yêu cầu xem nguồn bằng chứng; người trả lời có thể bị người hỏi ngắt nếu trả lời không đúng câu hỏi.
- Thời gian chuẩn bị: trước mỗi phần nói/hỏi đáp, các đội được phép xin thời gian để chuẩn bị. Tối đa 4 phút.
B2. HS thực hiện nhiệm vụ
- Các thành viên đại diện nhóm thực hiện các lượt nói theo tiêu chí của luật hoạt động tranh biện.
- Những thành viên còn lại giữ vai trò là người nghe, khán giả, có thể hỗ trợ các thành viên trong nhóm của mình (nếu cần).
B3, B4. Báo cáo, kết luận, nhận định
GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức
</td>
<td>
2. Trình bày bài nói, nghe
Yêu cầu đối với người nghe
- Tôn trọng quan điểm của người nói.
- Giữ tinh thần cởi mở, góp ý tích cực.
- Có thể đưa ra các câu hỏi, trao đổi phản biện với các vấn đề mà người nói trình bày.
</td>
</tr>
<tr>
<td>
3. Trao đổi và đánh giá bài nói
B1. Chuyển giao nhiệm vụ:
- Nhóm chuyên gia với các thành viên trong hội đồng giảm khảo tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm.
</td>
<td>
3. Trao đổi và đánh giá bài nói
<table>
<tr><th rowspan="2">Tt</th><th rowspan="2">Nội dung đánh giá</th><th colspan="2">Kết quả</th></tr>
<tr><th>Đạt</th><th>Chưa đạt</th></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

(Phiếu học tập số 4)

B2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS các nhóm có thể tiến hành góp ý, chia sẻ, về các tiêu chí bài nói; rút kinh nghiệm sau khi kết thúc phần tranh biện.
- Người nghe đưa ra các góp ý, nhận xét hoặc câu hỏi về bài nói.
- Người nghe, người nói đối thoại trên tinh thần cởi
- Thực hiện đánh giá và tự đánh giá dựa trên các tiêu

B3. Báo cáo kết quả

- Nhóm chuyên gia với các thành viên trong hội đồng giảm khảo tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm.
- HS các nhóm tiến hành góp ý, chia sẻ

B4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá, cùng HS chuẩn xác kiến thức

1	- Bám sát vấn đề thảo luận đã được xác định. - Bao quát được những ý kiến khác về vấn đề.		
2	- Trình bày sáng tỏ ý kiến của bản thân.		
	- Xây dựng được hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.		
3	- Sử dụng động tác hình thể và phi ngôn ngữ phù hợp.		
	- Biết điều chỉnh giọng điệu cho phù hợp với không khí thảo luận		

HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS chia sẻ được bài nói thuyết phục người khác
- Thể hiện được quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của mình một cách rõ ràng và thuyết phục.

b. **Nội dung**: Bài nói

c. Sản phẩm: video bài nói

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ:

Chuẩn bị bài nói thuyết phục một người bạn từ bỏ thói quen đánh giá tiêu cực về người khác.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- HS làm việc cá nhân ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận:

- HS nộp bài trên zalo/padlet/youtobe

B4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Học bài cũ và hoàn thành các bài tập

- Chuẩn bị bài 3: *Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận* (Tiết *Trả bài viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm)*

PHỤ LỤC TIẾT NÓI VÀ NGHE

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tranh biện "Nên hay không nên cai điện thoại thông minh?"

Ý kiến của tôi	Lí do	Dẫn chứng từ thực tế hoặc sách báo

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tranh biện "Nên hay không nên cai điện thoại thông minh?"

BẢNG CHUẨN BỊ PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI NGHE

	Những vấn đề tôi đồng tình	Những vấn đề tôi chưa đồng tình hoặc cần giải thích rõ hơn	Những vấn đề bạn trả lời tôi	Ý kiến của tôi sau khi nghe bạn trình bày
Ý kiến của bạn				
Ý kiến của bạn				
Ý kiến của bạn				

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Tranh biện "Nên hay không nên cai điện thoại thông minh?"

BẢNG GHI CHÉP NỘI DUNG THẢO LUẬN

Thứ tự trình bày	Ý kiến trình bày	Các ý kiến phản hồi

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tranh biện "Nên hay không nên cai điện thoại thông minh?"

Yêu cầu lượt nói của mỗi thành viên đội:

- A là ủng hộ: A1, A2, A3 lần lượt là người nói thứ nhất, nhì, ba.
- N là phản đối: N1, N2, N3 lần lượt là người nói thứ nhất, nhì, ba.
- Lượt nói được trình bày ở bảng dưới theo thứ tự người nói thứ nhất (A1) đến người nói cuối cùng (N3).

Lượt nói	Vai trò	Nội dung cụ thể	Thời lượng
A1	Trình bày toàn bộ phiên tranh biện	Trình bày toàn bộ phiên tranh biện của bên Ủng hộ.	4 phút
N3 và A1	Hỏi đáp	N3 đặt câu hỏi, A1 trả lời.	2 phút
N1	Trình bày toàn bộ phiên tranh biện	Phản biện phiên tranh biện của bên Ủng hộ. Trình bày luận điểm ủng hộ bên phản đối.	4 phút
A3 và N1	Hỏi đáp	A3 đặt câu hỏi, N1 trả lời	2 phút
A2	Phản biện N1 và ủng hộ A1	- Phản biện N1. - Ủng hộ A1 bằng cách củng cố luận điểm A1 đã trình bày, bổ sung bằng chứng, phát triển lí lẽ. Không đưa ra luận điểm mới.	4 phút
N1 và N2	Hỏi đáp	N1 đặt câu hỏi, A2 trả lời.	2 phút
N2	Phản biện A2 và ủng hộ N1	- Phản biện A2. - Ủng hộ N1 bằng cách củng cố luận điểm N1 đã trình bày, bổ sung bằng chứng, phát triển lí lẽ. Không đưa ra luận điểm mới.	4 phút
A1 và N2	Hỏi đáp	A1 đặt câu hỏi, N2 trả lời.	2 phút
A3	Tổng hợp xung đột để chứng minh A thắng	- Phản biện N2. Phân tích các xung đột để chứng minh A thắng - Không được đưa ra bất kỳ luận điểm mới hay bổ sung luận điểm cũ, kể cả bằng chứng.	3 phút
N3	Tổng hợp xung đột để chứng minh N thắng	- Phản biện A3. Phân tích các xung đột để chứng minh N thắng - Không được đưa ra bất kỳ luận điểm mới hay bổ sung luận điểm cũ, kể cả bằng chứng.	3 phút

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Tranh biện "Nên hay không nên cai điện thoại thông minh?"

QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRANH BIỆN

Người thực hiện: Giám khảo ……...

Quy trình	- Mỗi giám khảo đều nhận được phiếu chấm điểm. - Các giám khảo không được phép trao đổi với nhau trong suốt thời gian chấm và ra quyết định. - Phiếu chấm điểm, một khi điền xong, phải nộp cho người phụ trách tổng hợp phiếu (10 phút để điền). - Một khi tất cả giám khảo nộp xong phiếu chấm, mỗi giám khảo có 2 phút để nhận xét vòng tranh biện vừa rồi và giải thích về lựa chọn của mình cho các đội.
Tiêu chí	Giám khảo bắt buộc phải lựa chọn dội chiến thắng, không có phương án hòa và quyết định này dựa trên đánh giá độc lập của mỗi giám khảo xét đến yếu tố: - Chất lượng của luận điểm cả hai đội đã đưa ra. - Đánh giá mỗi luận điểm theo đúng hình thức các đội đã trình bày. - Không áp dụng bất kỳ kì vọng hay quan điểm cá nhân nào của giám khảo khi ra quyết định. - Không áp dụng hiểu biết, chuyên môn về chủ đề được nói đến, - Xác định các vấn đề xung đột chính trong cuộc tranh biện, chỉ ra đội nào giải quyết tốt hơn và tại sao.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI

CÁC NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ		ĐẠT	CHƯA ĐẠT
Khi trình bày	Phần trình bày rõ ràng, có lập luận thuyết phục, có dẫn chứng đầy đủ.		
	Cách nói rõ ràng, mạch lạc.		
	Đảm bảo thời gian quy định.		
Khi trả lời phản hồi	Có thái độ chừng mực khi tiếp nhận các ý kiến trái chiều từ các thành viên còn lại trong nhóm.		
	Có lập luận rõ ràng, thuyết phục khi phản hồi các ý kiến trái chiều.		
Khi tham gia thảo	Chú ý lắng nghe và ghi chép các ý kiến khác nhau của các thành viên còn lại trong nhóm.		

luận	Có ý kiến phản hồi và trao đổi nghiêm túc với các thành viên còn lại trong nhóm.			
	Có ngôn ngữ trao đổi khách quan, trung tính, không công kích cá nhân.			

B2. VIẾT

TRẢ BÀI VIẾT
BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM

I. Mục tiêu:

1. Năng lực

* Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề (thực hiện nhiệm vụ trước các vấn đề được cung cấp).

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- Năng lực tiếp thu, rèn luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

* Năng lực đặc thù:

- Năng lực văn học: Hiểu rõ được những yêu cầu khi viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- Năng lực ngôn ngữ: Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: Có tình yêu, sự trân trọng với tiếng Việt

- Trách nhiệm: Có ý thức trong việc tạo lập văn bản. Chủ động, tự giác dám thay đổi bản thân. nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra

II. Thiết bị dạy học và học liệu:

- Ti vi, máy tính, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, bài viết

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong văn bản.

b. Nội dung: HS xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:

- *Video đề cập đến nội dung gì? Có sức thuyết phục không?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học.	
HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP **NHẬN XÉT VÀ TRẢ BÀI** **a. Mục tiêu**: - Chỉ ra được những yêu cầu cần thiết khi viết bài văn thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. - Hiểu được những đặc điểm và yêu cầu của một đoạn văn nghị luận thuyết phục. **b. Nội dung:** - Nhận xét bài của HS - Trả bài cho HS, tự chỉnh sửa và hoàn thiện **c. Sản phẩm: Bài làm của HS** **d. Tổ chức thực hiện:**	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - *Nhắc lại yêu cầu của bài viết thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung **Bước 4: Nhận xét, đánh giá** GV nhận xét, đánh giá cùng HS chuẩn xác kiến thức.	**1. Yêu cầu của bài luận** - Cần đưa ra những luận điểm, luận cứ xác đáng, mạch lạc và có logic. - Nêu ra quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề đa chiều của bản thân bằng cách đưa ra những bằng chứng xác đáng, để tạo hứng thú, sức thuyết phục người khác. - Dự kiến những lý lẽ phản bác được đưa ra, kiểm soát được quá trình thuyết phục một cách tốt nhất. - Người thuyết trình phải kịp thời đưa ra những dẫn chứng làm rõ hơn về luận điểm của mình, phản bác lại lý lẽ của người được thuyết phục.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết theo phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS: Rà soát lại bài viết theo cột bên trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột bên phải **Bước 3: Báo cáo kết quả** HS trình bày những kinh nghiệm để rèn kĩ năng làm bài văn nêu cảm nghĩ **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**	**2. Nhận xét về ưu khuyết điểm** * Ưu điểm: - Một số bài viết bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề, biết dẫn dắt phân tích vấn đề, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục. - Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Nhược điểm: - Một số bài viết rất chung chung, không có dấu ấn cá nhân. - Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ.

GV Nhận xét, đánh giá về mức độ đáp ứng yêu cầu của HS, chọn đọc và phân tích bài viết ở mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra ưu điểm, nhược điểm, đặc biệt chỉ cho HS những lỗi về mạch lạc, liên kết trong bài viết.	

HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh chỉnh sửa hoàn thiện bài viết

b. Nội dung: HS hoàn thành bài viết thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

Đọc lại bài văn đã viết, dựa vào bảng hướng dẫn chỉnh sửa để soát lại nội dung, xem bài của bản thân đã đạt yêu cầu chưa? Các nội dung chưa đạt chỉnh sửa lại để hoàn thiện.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh làm việc cá nhân.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét, cùng học sinh bổ sung, chuẩn hóa kiến thức

HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA BÀI VIẾT **Nhiệm vụ:** *Rà soát lại bài viết theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải*	
1. Phần mở bài: Đã giới thiệu vấn đề và nêu quan điểm hay chưa?	- Gạch chân những câu phần mở bài chưa đáp ứng yêu cầu, chỉnh lại nêu vấn đề và quan điểm
2. Mỗi đoạn của thân bài có nêu quan điểm của bài viết không?	- Gạch chân vào câu nêu luận điểm - Nên chuyển câu nêu luận điểm lên đầu đoạn văn
3. Mỗi luận điểm có được làm sáng tỏ bằng lý lẽ, dẫn chứng hay không? Bài viết có đưa ra giải pháp cụ thể hay không?	- Khoanh tròn dẫn chứng, gạch chân lí lẽ, nếu có thể bổ sung dẫn chúng, lí lẽ cho thuyết phục hơn - Gạch chân vào phần nêu giải pháp, diễn đạt cụ thể hơn
4. Bài viết có nhìn vấn đề ở nhiều góc độ, bác bỏ ý kiến phản bác không?	- Đánh dấu sao vào phần bổ sung ý kiến phản bác, đưa ra lý lẽ, dẫn chứng để bác bỏ
5. Phần kết bài có khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề hay không?	- Thêm câu khẳng định lại quan điểm và mở rộng nâng cao vấn đề
6. Bài viết có mắc lỗi diễn đạt không?	- Rà soát và sửa lại lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, từ nối, liên kết trong bài viết….

*** HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC BÀI Ở NHÀ**

- Hoàn thành bài tập phần củng cố mở rộng

- Chuẩn bị bài 4: *Sức sống của sử thi*